

MỘT SỐ HƯỚNG DẪN VỀ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN

MỘT SỐ VĂN BẢN

QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN

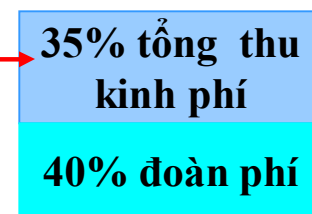
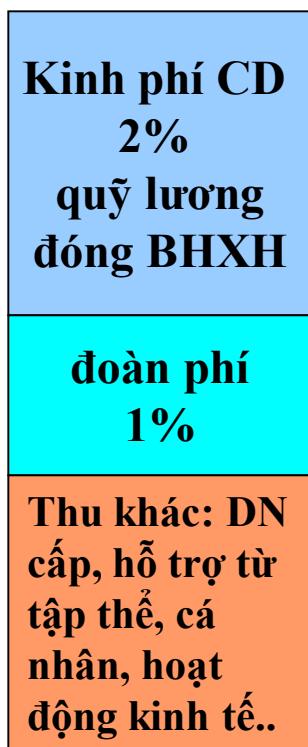
- NĐ191/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về tài chính CĐ
- HD 258/HĐ-TLĐ ngày 07/3/2014 của TLĐ về đóng đoàn phí CĐ
- QĐ 269/QĐ-TLĐ ngày 07/3/2014 ban hành Quy chế quản lý tài chính CĐ
- QĐ 270/QĐ-TLĐ ngày 07/3/2014 v/v ban hành Quy định về phân cấp thu, phân phối nguồn thu tài chính CĐ
- QĐ 271/QĐ-TLĐ ngày 07/3/2014 v/v ban hành Quy định khen thưởng, xử phạt về thu, nộp tài chính CĐ
- QĐ 272/QĐ-TLĐ ngày 07/3/2014 v/v ban hành Quy định thu, chi, quản lý tài chính công đoàn cơ sở
- QĐ 273/QĐ-TLĐ ngày 07/3/2014 về việc ban hành Quy định về tổ chức bộ máy quản lý tài chính CĐ; tiêu chuẩn, điều kiện....
- QĐ 525/QĐ-TLĐ ngày 25/4/2011 quy định tạm thời tiền lương, phụ cấp cán bộ CĐ chuyên trách CĐCS khu vực ngoài nhà nước
- QĐ1439/QĐ-TLĐ ngày 14/12/2011 quy định chế độ phụ cấp cán bộ CĐ

**Nguồn thu
của CDCS**

**Thu tài chính công đoàn cơ sở
Theo Quyết định 272/QĐ-TLĐ**

**CDCS được
sử dụng**

**Nộp CD cấp
trên**



Tài chính của CDCS

**Nguồn tài chính CDCS được sử dụng
Theo Quyết định 272/QĐ-TLD**

**65 % tổng thu
kinh phí
và**

60% đoàn phí

Chi

- Lương, phụ cấp cán bộ CD 30%
- Quản lý hành chính 10%
- Hoạt động phong trào 60%

Thu khác:

- Do DN cấp
- Hỗ trợ từ tập thể, cá nhân
- Hoạt động k/tế

- BCH Công đoàn cơ sở quyết định các mục chi

NGUỒN TÀI CHÍNH CĐ CƠ SỞ ĐƯỢC SỬ DỤNG

1. CĐCS được sử dụng 65% số thu kinh phí CĐ, 60% số thu đoàn phí, 100% số thu khác
2. Phân bổ nguồn thu, kinh phí, đoàn phí CĐCS được sử dụng
 - Chi lương, phụ cấp không quá 30%. Nếu không hết chuyển sang chi các hoạt động khác. Nếu thiếu phải xem xét giảm đối tượng, mức chi
 - Chi quản lý hành chính không quá 10%
 - Chi hoạt động phong trào 60%. Trong đó: chi hỗ trợ du lịch không quá 10%, chi trợ cấp khó khăn không quá 10%
3. Nguồn thu khác của CĐCS do CĐCS quyết định việc phân bổ các khoản mục chi

Chi tài chính công đoàn cơ sở

1. Chi lương và các khoản theo lương:

- Lương, phụ cấp theo QĐ 525/QĐ-TLĐ ngày 14/12/2004
- Phụ cấp theo QĐ 1439/QĐ-TLĐ ngày 4/12/2011

2. Quản lý hành chính

3. Chi hoạt động phong trào

- Tuyên truyền
- Hoạt động đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp...
- Phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS,
- Tổ chức phong trào thi đua
- Đào tạo cán bộ
- Hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch
- Hoạt động về giới và bình đẳng giới
- Thăm hỏi, trợ cấp
- Động viên, khen thưởng
- Hoạt động khác

ĐOÀN PHÍ CÔNG ĐOÀN (THEO HD 258/HĐ-TLĐ)

Đối tượng, mức đóng:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị-xã hội, đơn vị sự nghiệp hưởng lương theo bảng lương nhà nước quy định **đóng đoàn phí 1% lương căn cứ đóng BHXH**
- DN nhà nước (cả Cty CP nhà nước chi phối) **đóng đoàn phí 1% lương thực lĩnh** (tiền lương đã khấu trừ tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN, thuế thu nhập cá nhân) **tối đa bằng 10% lương cơ sở** theo quy định của nhà nước.
- DN ngoài nhà nước, sự nghiệp ngoài công lập không theo bảng lương nhà nước, **đóng đoàn phí 1% lương căn cứ đóng BHXH**
- Nghiệp đoàn, CĐCS khó xác định tiền lương **đóng đoàn phí theo mức ấn định nhưng thấp nhất bằng 1% lương cơ sở** theo quy định nhà nước.
- Đoàn viên công tác ở nước ngoài **đóng đoàn phí 1% lương được hưởng** theo chế độ nhà nước quy định
- Đoàn viên hưởng trợ cấp BHXH từ 1 tháng trở lên, trong thời gian hưởng trợ cấp không phải đóng đoàn phí

Quy định về tiền lương, phụ cấp cán bộ công đoàn chuyên trách khu vực ngoài nhà nước (Theo Quyết định 525/QĐ-TLĐ)

1. Điều kiện bố trí cán bộ CĐ chuyên trách

- CĐCS có nguồn kinh phí để trả lương/ khuyến khích DN trả lương cho cán bộ CĐ chuyên trách
- Có từ 500 lao động trở lên
- Số lượng chuyên trách do CĐ ngành quyết định. BCH CĐCS thoả thuận với NSD LĐ, đề nghị CĐ cấp thẩm quyền QĐ công nhân và ký HĐ làm việc

2. Chế độ tiền lương

- Chủ tịch hệ số 3,0, Phó chủ tịch hệ số 2,5, cán bộ hệ số 2,0
- Lương bình quân được tính trên cơ sở tổng quỹ lương chia tổng số lao động chia 12 tháng

3. Phụ cấp thâm niên

- Nhiệm kỳ CĐCS thứ 2 được hưởng 5% (với nhiệm kỳ 2,5 năm) 10% (với nhiệm kỳ 5 năm)

PHỤ CẤP KIÊM NHIỆM (theo Quyết định 1439/QĐ-TLĐ)

TT	Số lượng đoàn viên (người)	Hệ số phụ cấp cao nhất	
		Chủ tịch	Phó chủ tịch
1	Dưới 150 lao động	0,2	0,15
2	Từ 150 đến 500 lao động	0,25	0,2
3	Từ 500 đến dưới 2000 lao động	0,3	0,25
4	Từ 2000 đến dưới 4000 lao động	0,4	0,3
5	Từ 4000 đến dưới 6000 lao động	0,5	0,4
6	Từ 6000 đến dưới 8000 lao động	0,6	0,5
7	Trên 8000 lao động	0,7	0,6

PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM (ĐỐI VỚI CÁN BỘ CDCS)

TT	Số lượng đoàn viên của một đơn vị (đơn vị tính là đoàn viên)	Hệ số phụ cấp cao nhất		
		UV BCH CDCS , Kế toán CDCS	Ủy viên UBKT CDCS, Chủ tịch CĐ Bộ phận	Tổ trưởng CĐ, Thủ quỹ CDCS
1	Dưới 150	0,14	0,12	0,12
2	Từ 150 đến dưới 500	0,15	0,13	0,13
3	Từ 500 đến dưới 2.000	0,18	0,15	0,13
4	Từ 2.000 đến dưới 4.000	0,21	0,18	0,13
5	Từ 4.000 đến dưới 6.000	0,25	0,21	0,13
6	Từ 6.000 trở lên	0,3	0,25	0,13

PHỤ CẤP KIÊM NHIỆM VỚI CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN CƠ SỞ

1. Phụ cấp kiêm nhiệm

- Chủ tịch CĐ trên cơ sở có chỉ tiêu chuyên trách nhưng hoạt động kiêm nhiệm được hưởng 10% lương và phụ cấp
- Phó Chủ tịch CĐ trên cơ sở có chỉ tiêu chuyên trách nhưng hoạt động kiêm nhiệm được hưởng 7% lương và phụ cấp
- Đối với kế toán kiêm nhiệm (không là cán bộ CĐ chuyên trách) hưởng phụ cấp kiêm nhiệm như Phó chủ tịch

2. Phụ cấp trách nhiệm

- Phụ cấp căn cứ số lao động trích nộp kinh phí CĐ
- Cán bộ tham gia cấp nào được hưởng phụ cấp cấp đó. ở mỗi cấp giữ nhiều chức danh, chỉ được hưởng 1 mức phụ cấp cao nhất
- Phụ cấp trách nhiệm cấp nào do cấp đó chi

Phụ cấp trách nhiệm (cấp trên cơ sở)

Mức	Số lượng đoàn viên	Mức phụ cấp cao nhất	
		Ủy viên BCH	UV UBKT
1	Dưới 10.000	0,20	0,15
2	Từ 10.000 đến 30.000	0,25	0,20
2	Từ 30.000 trở lên	0,30	0,25

Phụ cấp trách nhiệm (CĐ ngành TW)

Mức	Số lượng đoàn viên	Mức phụ cấp cao nhất	
		Ủy viên BCH	UV UBKT
1	Dưới 300.000 lao động	0,35	0,25
2	Từ 300.000 trở lên	0,4	0,35